

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS - ST

Ngày: 23/6/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2020/TLST – DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc Khánh – Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện L; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền số 7300/QĐ- NHCS ngày 19/9/2020). (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Bà Trần Thị T, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2020, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng có cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T vay theo các chương trình cho vay, cụ thể như sau:

+ Chương trình cho vay hộ nghèo, ngày vay 30/12/2010, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 10/12/2015, vay số tiền vốn là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), lãi suất là 0,65%/tháng. Tổng số tiền còn nợ quá hạn tính đến ngày 23/6/2021 là 4.978.478 đồng (Tiền vốn gốc là 3.000.000 đồng; lãi là 1.978.478 đồng)

+ Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, ngày vay 27/6/2011, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 10/6/2016, vay số tiền vốn là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), lãi suất là 0,9%/tháng. Tổng số tiền còn nợ quá hạn tính đến ngày 23/6/2021 là 7.418.442 đồng (Tiền vốn gốc là 4.000.000 đồng; lãi là 3.418.442 đồng)

Kể từ khi vay đến nay, ông T chỉ mới trả được tiền lãi cụ thể: Đối với khoản vay của chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, trả lãi là 1.579.200 đồng (một triệu, năm trăm bảy mươi chín ngàn, hai trăm đồng), chưa trả vốn; đối với khoản vay chương trình hộ nghèo, trả lãi là 808.600 đồng, chưa trả vốn. Tính đến ngày 23/6/2021, ông T và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc của hai khoản vay là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và tiền lãi tạm tính là 5.396.920 đồng. Tổng cộng vốn và lãi còn thiếu là 12.396.920 đồng (mười hai triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng).

Nay Ngân hàng C yêu cầu Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và tiền lãi tạm tính là 5.396.920 đồng (năm triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng). Tổng cộng vốn và lãi còn thiếu là 12.396.920 đồng (mười hai triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T, kể từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông T và bà T không có ý kiến phản hồi đối với việc khởi kiện của Ngân hàng. Do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 7.000.000 đồng, cộng số tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho ông T và bà T được vì họ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới; căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông T và bà T. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng C yêu cầu ông T và bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/6/2021 là 5.396.920 đồng (năm triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 12.396.920 đồng (mười hai triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng). Ngân hàng C có cung cấp hai Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập lần lượt vào các ngày 25/12/2010 và 20/6/2011, thể hiện ông Thanh có ký tên vào chỗ người vay, để vay số tiền vốn của hai khoản vay, cụ thể chương trình cho vay hộ nghèo, vay số tiền vốn 3.000.000 đồng và chương trình nước sạch vệ sinh môi trường là 4.000.000 đồng. Xét thấy: Kể từ khi thụ lý, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt thông báo cho ông T biết việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó có cơ sở khẳng định ông T có vay vốn của Ngân hàng với số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được Hội đồng xem xét như sau:

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, thì ông T có cam kết trả nợ gốc và lãi đầy đủ đúng hạn. Trong quá trình vay ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, nên ông T phải chịu hậu quả theo giao kết. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 25/12/2010 thể hiện mức lãi suất cho vay chương trình hộ nghèo là 0,65%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 20/6/2011 thể hiện mức lãi suất cho vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường là 0,9%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng

theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T trả số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (23/6/2021) là 5.396.920 đồng (năm triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn T thanh toán các khoản nợ vay. Xét thấy: Mặc dù nghĩa vụ dân sự này chỉ do ông T xác lập, nhưng tại thời điểm vay tiền, ông T và bà T vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, mục đích vay để sử dụng chung. Cho nên, căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình, buộc bà T có trách nhiệm cùng ông T trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/6/2021 là 5.396.920 đồng (năm triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 12.396.920 đồng (mười hai triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng).

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T phải chịu 619.846 đồng (Sáu trăm mười chín ngàn, tám trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm c, điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C; Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền vốn 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và tiền lãi là 5.396.920 đồng (năm triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 12.396.920 đồng (mười hai triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày 24/6/2021, nếu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng C Việt Nam, thì ông T và bà T còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T phải chịu 619.846 đồng (Sáu trăm mười chín ngàn, tám trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà

